

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500 (giai đoạn 1)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 08/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng- Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 341/BC-SXD ngày 24/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500 (giai đoạn 1) với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500 (giai đoạn 1).

2. Vị trí địa điểm, phạm vi ranh giới, quy mô và tính chất dự án

a) Vị trí, địa điểm: xã Phú Xá và xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc.

b) Phạm vi ranh giới: Theo đồ án Quy hoạch phân khu Trục trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng–Lạng Sơn, tỉ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 01/9/2015.

- Phía Đông giáp chỉ giới xây dựng Trục trung tâm 8 làn xe (Quốc lộ 1A cũ);
- Phía Tây giáp hành lang đường sắt, đất công nghiệp K3-CN9 và đất kho tàng lô K3-KT2 (tiếp giáp phần diện tích đất còn lại trong giai đoạn 2 của dự án đã được cấp Giấy phép quy hoạch).

- Phía Nam tiếp giáp diện tích đất còn lại của đất Cây xanh các lô K2-CXQ29, K3-CX44, đất đầu mối lô K3-DM7 và đất công cộng lô K3-CC64.

- Phía Bắc tiếp giáp chỉ giới xây dựng trục giao thông nhánh rẽ đi Tân Thanh theo quy hoạch.

c) Quy mô: Diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong giai đoạn 1 là 58,15ha, trong đó: diện tích đất xây dựng 48,15ha; diện tích đất taluy thuộc phạm vi phải thu hồi phục vụ lập quy hoạch giai đoạn 1 khoảng 10,0ha.

d) Tính chất khu vực lập quy hoạch

- Khu vực lập quy hoạch là khu kiểm tra, kiểm soát, giám sát các thủ tục hải quan, khu trung chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; khu kinh tế tổng hợp, dịch vụ thương mại và xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Mục tiêu

a) Khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của khu vực cửa khẩu; tổ chức các khu chức năng đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; bảo vệ môi trường; xác định và đề xuất các phương án thu hút các nguồn lực đầu tư, xây dựng hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững, có tính ổn định và tầm nhìn dài hạn.

b) Cải cách thủ tục hành chính, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra chuyên ngành.

c) Cung cấp các dịch vụ hậu cần, các dịch vụ thiết yếu cho hoạt động xuất, nhập khẩu, sang tải hàng hóa tránh tình trạng bến bãi hoạt động nhỏ lẻ, manh mún, gây mất trật tự an toàn giao thông và khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng tại khu vực cửa khẩu, tạo việc làm cho người dân.

4. Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng

a) Phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Phân khu chức năng: Khu trung chuyển hàng hóa thuộc khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn được chia thành 2 khu chức năng chính:

- + Khu I: Công kiểm soát; khu văn phòng gồm nhà làm việc Hải quan, trạm kiểm dịch thú y, nhà lưu giữ hàng không đạt; bãi đỗ xe; nhà xưởng sửa chữa; bãi trung chuyển và lưu chứa container.

- + Khu II: Khu Kiểm hóa hải quan; khu trung chuyển và lưu chứa hàng rời (kho ngoại quan); khách sạn; trạm xăng dầu; công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- + Công trình điểm nhấn chính tại khu trung chuyển: Nhà làm việc Hải

quan; khách sạn và trục giao thông trung tâm.

+ Mật độ xây dựng: Khu văn phòng 40%; nhà xưởng sửa chữa 30%; khu trung chuyển và lưu chứa hàng rời 65%; khu kiểm hóa 70%.

+ Tầng cao xây dựng các công trình: Khu trung chuyển và lưu chứa hàng rời, nhà xưởng sửa chữa, khu kiểm hóa hải quan, trạm xăng dầu và khu đất hạ tầng kỹ thuật 01 tầng; khu văn phòng từ 3-5 tầng; khách sạn 10 tầng.

+ Chiều cao tầng 1: khu văn phòng, khách sạn từ 3,6m ÷ 4,5m; chiều cao công trình tính đến đỉnh mái khu kiểm hóa hải quan 12m, khu trung chuyển và lưu chứa hàng rời 15m.

+ Chiều cao cốt ± 0,00 tính từ vỉa hè đến cao độ nền: các công trình cơ quan, công trình dịch vụ công cộng, trụ sở các văn phòng làm việc có cao độ từ + 0,3 ÷ 0,45m; các kho hàng rời có cao độ từ +1,2m ÷ 1,4m; khu nhà kiểm hóa cao độ khoảng +0,2m.

+ Hình thức kiến trúc chủ đạo lựa chọn giải pháp công trình có hình khối bề thế kết hợp kiến trúc hiện đại đáp ứng đầy truyền công năng đảm bảo thông gió và chiếu sáng tự nhiên.

+ Sử dụng hàng rào bằng cây xanh đối với công trình cơ quan, hàng rào hoa sắt, kết hợp với cây xanh bao quanh khu vực đầu tư xây dựng. Bên trong khu trung chuyển bố trí hàng rào ngăn bằng hộp nhựa để phân luồng các tuyến giao thông cho xe container.

b) Quy hoạch sử dụng đất (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*).

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) San nền, thoát nước mưa

- San nền: Xác định cao độ khống chế căn cứ theo quy hoạch phân khu trục trung tâm tỷ lệ 1/2000 và thiết kế chi tiết đường Cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Hướng thoát từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây về suối khu thuộc vực:

+ Cao độ hiện trạng cao nhất $H_{\max} = 310,00 \text{ m};$

+ Cao độ hiện trạng thấp nhất $H_{\min} = 255,00 \text{ m};$

(tại cửa xả thoát nước ra suối Thụy Hùng)

+ Cao độ quy hoạch san nền cao nhất $H_{\max} = 290,30 \text{ m};$

+ Cao độ quy hoạch san nền thấp nhất $H_{\min} = 281,00 \text{ m};$

+ Tổng khối lượng đắp khoảng $2.273.571,82 \text{ m}^3;$

+ Khối lượng đào khoảng $2.627.752,06 \text{ m}^3;$

+ Chiều dài kè suối khoảng $1.200 \text{ m}.$

- Thoát nước mưa

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đồng bộ và riêng biệt.

+ Thoát nước mưa cho khu khách sạn, công trình cơ quan quản lý và khu cây xanh CX.03 sử dụng hệ thống cống tròn BTCT D600 ÷ 2000mm; các khu còn lại sử dụng mương BTCT chiều rộng trung bình $b = 500 \div 1000 \text{ mm}$ có nắp đan. Toàn bộ hệ thống thoát nước sẽ được đổ vào mương hở xây đá hộc $b = 20,0 \text{ m}$ sau đó đổ vào hồ điều hòa và thoát ra suối Thụy Hùng.

+ Thoát nước cho lưu vực phía Đông dự án (ngoài ranh giới quy hoạch) bằng cống BTCT D2000 bố trí bên dưới mương hở xây đá hộc (b=20,0m) đổ vào hồ điều hòa và chảy ra suối Thụy Hùng.

b) Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại: Trục trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn tiếp giáp ranh giới quy hoạch Khu trung chuyển hàng hóa (phía Đông của dự án, Quốc lộ 1A cũ); trục trung tâm đi cửa khẩu Tân Thanh tiếp giáp ranh giới dự án trong giai đoạn 1 (phía Bắc của dự án);

- Giao thông nội bộ (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*).

- Giao thông tĩnh: 4,05 ha, trong đó:

+ Bãi xe số 1 : 1,88 ha;

+ Bãi xe số 2 : 2,17 ha.

- Các chỉ tiêu chính

+ Độ dốc dọc tuyến: $I_{\max} = 3,260\%$; $I_{\min} = 0,00\%$.

+ Bán kính bó vỉa tại các nút giao: $R_{\min} = 12\text{m}$; $R_{\max} = 30\text{m}$.

c) Chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ tuyến hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ giới xây dựng công trình: Khoảng lùi so với chỉ giới đường đỏ khu văn phòng, khách sạn, nhà xưởng sửa chữa 6,0m; khu kiểm hóa, khu hàng rời chỉ giới xây dựng lùi 12,0m; trạm xăng dầu lùi ít nhất 7m.

- Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật của khu văn phòng, khách sạn, nhà xưởng sửa chữa nằm trong chỉ giới đường đỏ hệ thống giao thông nội bộ; khu kiểm hóa hải quan, khu trung chuyển hàng hóa và lưu giữ hàng rời hành lang bảo vệ hạ tầng kỹ thuật nằm giữa chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ.

d) Cấp nước

- Nhu cầu dùng nước: Tổng lưu lượng nước khoảng $600\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ theo chỉ tiêu cấp thoát nước cho đô thị loại IV.

- Giải pháp cấp nước: (03 phương án, cụ thể ở bước lập hồ sơ dự án)

+ Phương án 1: Sử dụng nước cấp nước sinh hoạt của mạng lưới cấp nước thị trấn Đồng Đăng.

+ Phương án 2: Sử dụng nguồn nước mặt lấy từ Hồ Nà Tâm, điểm lấy nước dự kiến nằm ở phía Nam cách khu trung chuyển khoảng 5km.

+ Phương án 3: Sử dụng nước giếng khoan từ khu vực hạ lưu thấp gần suối Thụy Hùng vị trí giáp đường sắt.

- Trạm cấp nước đặt ở Tây Nam dự án; hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt dùng ống nhựa HDPE D110÷140, được lắp đặt trong hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

- Cấp nước chữa cháy: Kết hợp với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, khoảng cách trung bình 150- 200m/trụ. Các công trình quản lý cửa khẩu, kho hàng hóa phải có bể dự trữ nước phòng hoả và trạm bơm tăng áp cục bộ theo từng công trình dự án cụ thể.

e) Thoát nước bản, chất thải rắn

- Thoát nước thải

+ Tổng nhu cầu thoát nước thải là 183,7 m³/ngày.đêm. Hệ thống thoát nước thải được đầu tư xây dựng riêng biệt, đồng bộ; bố trí dưới vỉa hè, lòng đường các trục giao thông; sử dụng cống BTCT D300mm kết hợp hố ga xây gạch chỉ, nắp đậy đan BTCT; một số khu vực thấp như trạm xăng, khu bãi container sử dụng bơm trực tiếp vào hệ thống thoát nước thải của dự án. Hướng thoát nước Đông Bắc-Tây Nam về khu xử lý nước khu vực.

+ Nước thải sinh hoạt được sử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, cống thoát nước bản, cống thoát nước chung D300 của dự án, đưa về trạm xử lý nước thải công suất Q=180 m³/ngày.đêm ở phía Tây giai đoạn 1.

+ Nước bản từ các phân xưởng, xí nghiệp, trạm xăng dầu có hóa chất, dầu mỡ được xử lý riêng đạt tiêu chuẩn loại C theo TCVN 5945-2005 trước khi đưa về trạm xử lý chung. Nước bản xử lý ở trạm đạt tiêu chuẩn loại B theo TCVN 5945-2005 thải vào hệ thống thoát nước mưa và đổ ra mương hở thuộc dự án.

- Thu gom chất thải rắn

+ Lượng chất thải khoảng 1,5 tấn/ngày.

+ Bố trí các thùng đựng rác 2 bên các trục đường khoảng cách trung bình 100÷120m để thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày; chất thải tại các xí nghiệp, phân xưởng được phân loại và tập kết tại khu tập kết rác thải của dự án đặt tại khu vực đất đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật, một phần sử dụng được cho tái chế, phần không sử dụng được vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của địa phương theo quy định.

f) Cấp điện, thông tin liên lạc

- Cấp điện

+ Nguồn điện trung thế 35kV gần khu vực dự án, tiếp giáp với Quốc lộ 1A.

+ Tổng nhu cầu sử dụng điện giai đoạn 1 là 5.226kVA.

+ Xây mới các trạm biến áp: 2x1600kVA, 35/0,4kV; 1000kVA, 35/0,4kV; 630kVA, 35/0,4kV; 500kVA, 35/0,4kV.

+ Đường dây trung thế sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC 3x70-38kV. Chiều dài đường dây trung thế 35kV đi nổi khoảng 350m, đi ngầm có khoảng 2.200m; đường dây hạ thế 0,4kV cấp điện khoảng 2.500m; đường dây hạ thế 0,4kv chiếu sáng khoảng 6.400m.

- Hệ thống thông tin liên lạc

+ Khoảng 1.800 thuê bao internet, điện thoại cố định và truyền hình.

+ Nguồn tín hiệu cấp: Trạm chuyển mạch huyện Cao Lộc.

+ Truyền dẫn: Cáp quang FLX-200A hạ ngầm trong hào cáp kỹ thuật, truyền dẫn nguồn tín hiệu đến khu vực quy hoạch.

6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

b) Tuân thủ theo Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

b) Khi triển khai lập dự án đầu tư xây dựng, tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của ngành Tài nguyên và Môi trường.

7. Giải pháp tái định cư

- Trong khu vực dự án đầu tư giai đoạn 1 có 03 hộ dân đang sinh sống, Chủ đầu tư sẽ thỏa thuận đền bù cho các hộ dân theo quy định hiện hành.

- Khu tái định cư sẽ được tiến hành trong giai đoạn 2. Dự kiến vị trí khu tái định cư được bố trí tại phía Bắc của dự án Khu trung chuyển với quy mô khoảng 8,86ha. Sau khi hoàn thành dự án trong giai đoạn 2 sẽ đáp ứng nhu cầu về tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án theo quy định.

8. Các công trình ưu tiên đầu tư, nguồn vốn thực hiện

a) Công trình ưu tiên đầu tư

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Các công trình quản lý thuộc giai đoạn 1.

b) Nguồn vốn: Vốn của Chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

9. Khái toán tổng mức đầu tư: Khoảng **444,021** tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc, kinh phí bồi thường thiệt hại GPMB, rà phá bom mìn vật liệu nổ).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Cao Lộc chủ trì, phối hợp với Liên danh Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi và Cty cổ phần Tập đoàn Đầu tư- Xây dựng HJC (Chủ đầu tư) công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định; tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới; xác định phạm vi ranh giới khu đất, cắm mốc giới ngoài thực địa; thực hiện các thủ tục liên quan về đất đai theo quy định.

2. Sở Xây dựng, UBND huyện Cao Lộc cập nhật các nội dung thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đã phê duyệt vào các đồ án quy hoạch đô thị có liên quan.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng- Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Cao Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BCH Quân sự tỉnh;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các Phòng: TH, KTN, KTTH, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (TQV).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lý Vinh Quang

Phụ lục 01
BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉ lệ 1/500
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2017 của UBND tỉnh)

TT	Ký hiệu	Chức năng	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Quy mô (m ² sàn)
I		Đất cơ quan quản lý	1,37	40	5	2,0	27.400
II		Công trình thương mại, dịch vụ, khách sạn	6,88				
1	XD	Trạm xăng dầu	1,56	40	1	0,4	6.240
2	NX	Xưởng sửa chữa	2,14	30	1	0,3	6.420
3	KS	Khách sạn	3,18	40	10	4,0	127.200
III		Đất kho tàng, bến bãi	10,15				
1	KH-01	Kiểm hóa hải quan	0,488	70	1	0,7	3.416
2	KH-02	Kiểm hóa hải quan	0,488	70	1	0,7	3.416
3	KH-03	Kiểm hóa hải quan	0,488	70	1	0,7	3.416
4	KH-04	Kiểm hóa hải quan	0,488	70	1	0,7	3.416
5	KH-05	Kiểm hóa hải quan	0,488	70	1	0,7	3.416
6	KH-06	Kiểm hóa hải quan	0,488	70	1	0,7	3.416
7	HR-01	Khu lưu chứa hàng rời	1,92	65	1	0,65	12.480
8	HR-02	Khu lưu chứa hàng rời	1,92	65	1	0,65	12.480
9	HC-01	Khu lưu chứa hàng container	3,38				
IV		Đất cây xanh, mặt nước	5,45				
1	CX.01	Đất cây xanh, mặt nước	2,27				
2	CX.02	Đất cây xanh, mặt nước	0,28				

TT	Ký hiệu	Chức năng	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Quy mô (m ² sàn)
3	CX.03	Đất cây xanh, mặt nước	1,16				
4	CX.04	Đất cây xanh, mặt nước	0,93				
5	CX.05	Đất cây xanh	0,57				
6	CX.06	Đất cây xanh	0,06				
7	CX.07	Đất cây xanh	0,06				
8	CX.08	Đất cây xanh	0,06				
9	CX.09	Đất cây xanh	0,06				
V		Bãi đỗ xe	4,05				
1	P.01	Đất bãi xe (nội bộ)	1,88				
2	P.02	Đất bãi xe (nội bộ)	2,17				
VI		Khu kỹ thuật	0,64				
		Xray, trạm cân	0,64				
VII		Đất đầu mối HTKT	1,99				
		Trạm XLNT, XLN, BCTR...	1,99	40	1	0,4	
VIII		Đất giao thông	17,62				
IX		Diện tích đất taluy	10,00				
		Tổng diện tích lập quy hoạch giai đoạn 1	58,15				

Phụ lục 02

BẢNG TỔNG HỢP HỆ THỐNG GIAO THÔNG

Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉ lệ 1/500

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2017 của UBND tỉnh)

TT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều rộng (m)		Dải phân cách (m)	Đốc dọc imax (%)
					Mặt đường	Via hè		
1	Tuyến số 1		1.242,59					0.00-2.60
	Đoạn K1-K3	1A-1A	412,20	19	16	1x3		0,00
	Đoạn K3-K4	1B-1B	468,38	16	16			0,00
	Đoạn K4-K5	3B-3B	133,51	56,13	42	5.0+9.13		2,60
	Đoạn K5-K7	6A-6A	228,50	30,13	21	9,13		2,00
2	Tuyến số 2		455,32					1.00-3.26
	Đoạn K7-K9	8-8	271,69	71	61	2x5.0		1,00
	Đoạn K9-K10	2-2	183,63	42	32	2x5.0		3,26
3	Tuyến số 3		621,51					0.00-2.22
	Đoạn K3-K11	4B-4B	286,51	26	21	1x5		0,00
	Đoạn K11-K12	4-4	55,00	26,0	26	2x5		1,49
	Đoạn K12-K15	4-4	280,00	26,0	26			2,22
4	Tuyến số 4		450,00					0.00-0.18
	Đoạn 1: K16-K17	4B-4B	150,00	26,0	21	1x5		0,18
	Đoạn 2: K17-K18	3A-3A	300,00	21	21		10	0,00
5	Tuyến số 5		704,50					0.00-2.00
	Đoạn K19-K21	4A-4A	468,50	26	16	1x5		0.00-2.00
	Đoạn K21-K07	4D-4D	236,00	26	16	1x5		0.00-2.00
6	Tuyến số 6		236,00					0,00

TT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều rộng (m)		Dải phân cách (m)	Đốc dọc imax (%)
					Mặt đường	Via hè		
7	Đoạn 1: K20-K06	7A-7A	236,00	18	18			0,00
	Tuyến số 7		301,14					0,00
8	Đoạn 1: K23-K18	4B-4B	301,14	18	18			0,00
	Tuyến số 8		976,00					0.00-2.00
9	Đoạn K31-K24	4C-4C	208,00	26	21	1x5		0,00
	Đoạn K24-K27	6B-6B	280,00	13	13			2,00
9	Đoạn K27-K28	6B-6B	208,00	13	13			2,22
	Đoạn K28-K31	7E-7E	280,00	18	13	1x5		2,00
Tuyến số 9		208,00					0,00	
10	Đoạn K25-K30	5-5	208,00	36	26		10	0,00
	Tuyến số 10		208,00					0,00
11	Đoạn K26-K29	5-5	208,00	36	26		10	0,00
	Tuyến số 11		163,89					0,00
12	Đoạn K32-K01	7B-7B	163,89	13	8	1x5		0,00
	Tuyến số 12		361,78					0,00
13	Đoạn K01-K10	9-9	361,78	25	20	1x5		0,00
	Tuyến số 13		569,03					0.00-1.49
14	Đoạn K02-K32	7B-7B	201,75	13	8	1x5		0
	Đoạn K32-K09	7D-7D	367,28	18	8	2x5		1,49
Tuyến số 14		162,26					0,00	
	Đoạn K21-K22	7C-7C	162,26	18	8	2x5		0,00
	Tổng chiều dài các tuyến giao thông		6.660,02					

Phụ lục 03
BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN PHÍ XÂY DỰNG
Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển hàng hóa thuộc
Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tỉ lệ 1/500
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2017 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục công trình	Tổng chi phí (đồng)
1	Sàn nền	183.802.930.190
2	Thoát nước mưa	16.049.462.000
3	Giao thông	202.683.969.400
4	Cấp nước	6.948.404.650
5	Thoát nước bản, VSMT	4.231.121.620
6	Cấp điện, thông tin liên lạc	30.305.000.000
	Tổng chi phí	444.020.887.860
	Làm tròn	444.021.000.000